# ĐỀ TÀI GIỮA KỲ MÔN: CƠ SỞ DỮ LIỆU

\*\*\*\*

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ JAVA SWING CƠ SỞ DỮ LIỆU MYSQL SỬ DỤNG JDBC

# QUẢN LÝ CỬA HÀNG ĐIỆN THOẠI

\_\_\_\_\_

Sinh viên thực hiện Lê Văn Phát - 22110196 Huỳnh Thanh Duy – 22110118

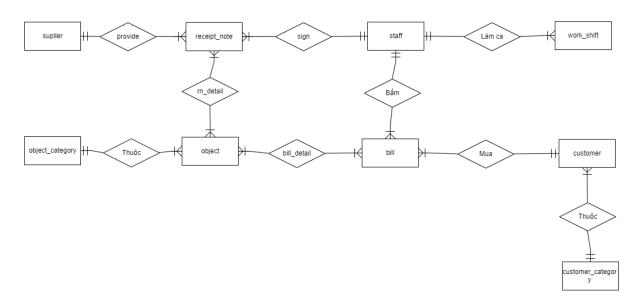
# TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN:

Với đề tài: "Thiết kế ứng dụng Quản lý cửa hàng điện thoại - ứng dụng công nghệ Java Swing, cơ sở dữ liệu MySql sử dụng JDBC" chúng em thực hiện:

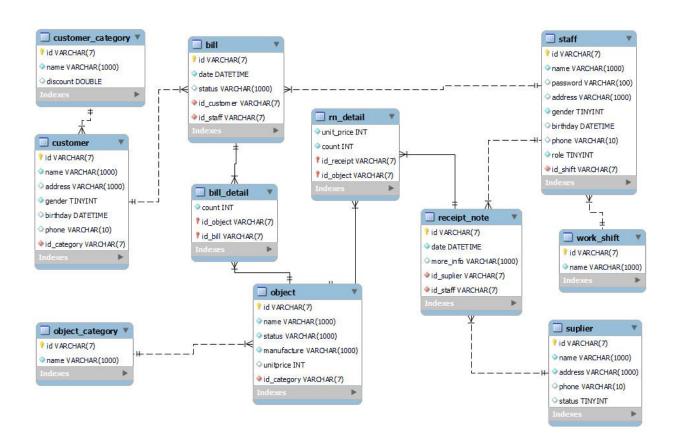
- 1. Lên đặc tả và vẽ ERD.
- 2. Tạo cơ sở dữ liệu.
- 3. Thiết kế giao diện.
- 4. Thiết kế ứng dụng theo mô hình MVC, sử dụng các lớp DAO để giao tiếp với các lớp Model.

# CƠ SỞ DỮ LIỆU:

#### **ERD:**



#### **DIAGRAM:**



# QUAN HỆ CƠ SỞ:

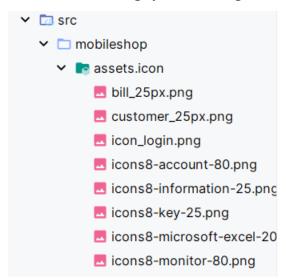
1. object_category	id, name.
2. object	id, name, status, manufacture, unitprice, id_category.
	foreign key id_category references object_category
	(id).
3. customer_category	id, name, discount.
4. customer	id, name, address, gender, birthday, phone,
	id_category.
	foreign key id_category references
	customer_category (id).
5. work_shift	id, name
6. staff	id, name, password, address, gender, birthday, phone,
	role, id_shift.
	foreign key id_shift references work_shift (id).
7. suplier	id, name, address, phone, status
8. receipt_note	id, date, more_info, id_suplier, id_staff.
	foreign key id_suplier references suplier (id).
	foreign key id_staff references staff (id).
9. bill	id, date, status, id_customer, id_staff.
	foreign key id_customer references customer (id).
	foreign key id_staff references staff (id).

# QUAN HỆ LIÊN KẾT:

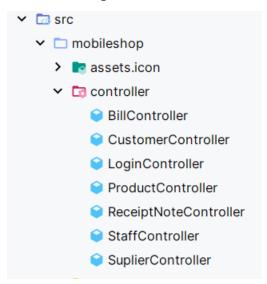
1. rn_detail	id receipt, id object, unit_price, count.
	foreign key id_receipt references receipt_note (id).
	foreign key id_object references object (id)
2. bill_detail	id object, id bill, count.
	foreign key id_object references object (id).
	foreign key id_bill references bill (id).

### VÈ CẦU TRÚC PHẦN MỀM:

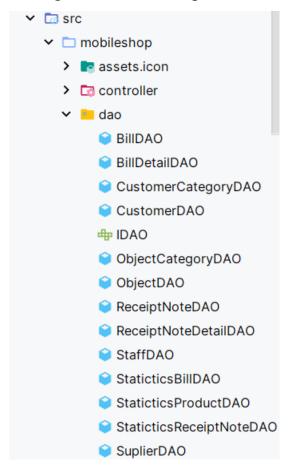
- Các icon và tài nguyên sử dụng sẽ lưu trong thư mục assets



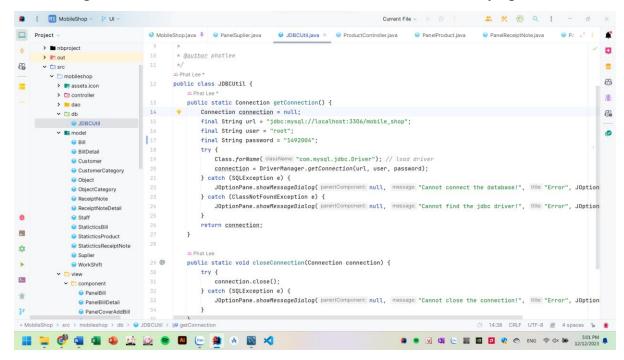
- Package controller chứa các lớp controller, là cấu nối giữa view và các lớp DAO, các lớp model.



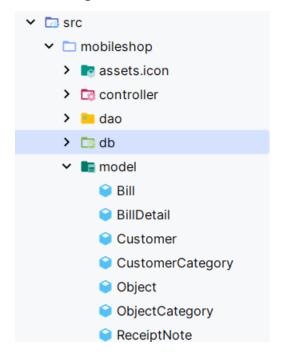
- Package dao chứa các lớp DAO, tương tác trực tiếp với cơ sở dữ liệu.



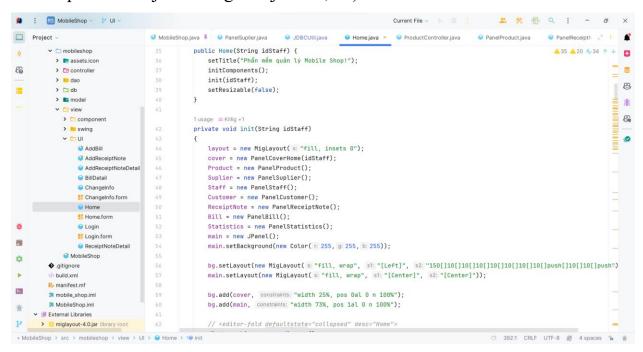
- Package db chứa class thực hiện connect tới cơ sở dữ liệu mysql



- Package model chứa các model của từng bảng trong cơ sở dữ liệu



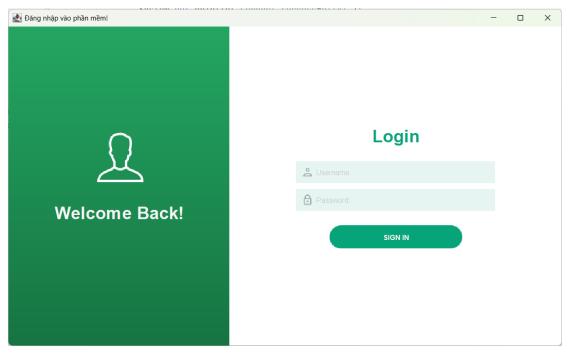
- Package view chứa các component, swing (các lớp định dạng lại một số component của java swing như jbutton, ...) và UI.



## VÈ GIAO DIỆN:

Nhóm dùng Layout Constraints trong Java Swing để set layout cho từng thành phần.

### Màn hình đăng nhập:



- Người dùng đăng nhập vào hệ thống với **Username là staff.id**, **Password là staff.password**.

Vd: username: ST01, password: ADMIN

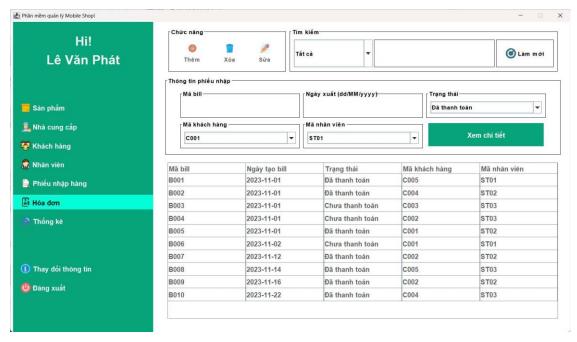
- Mỗi người sẽ có quyền truy cập khác nhau, quyền admin sẽ được toàn quyền sử dụng ứng dụng, không phải là admin sẽ không được truy cập vào màn hình Nhân viên.

#### Màn hình chính:

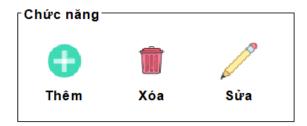
- Là các jpanel tạo nên 2 khung layout chính là: thanh Navigation bên trái và màn hình chính phần còn lại.
- Mặc định để ở màn hình **Thống kê**



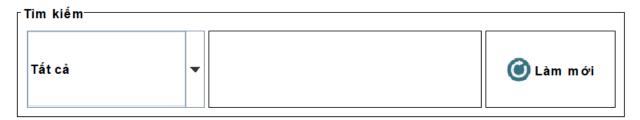
 Các màn hình được gọi ra khi chọn ở thanh Navigation, bao gồm đầy đủ các chức năng thêm xóa sửa và tìm kiếm thông tin theo yêu cầu.



- Mỗi màn hình bao gồm 4 phần chính:
  - Phần chức năng: Gồm 3 chức năng Thêm, Xóa và Sửa

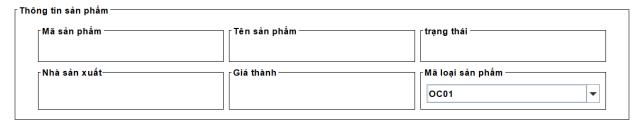


• Phần tìm kiếm thông tin:



Người dùng nhập thông tin cần tìm rồi chọn ở combobox sẽ hiện ra thông tin cần tìm, không cần bấm Làm mới.

• Phần thông tin chi tiết:

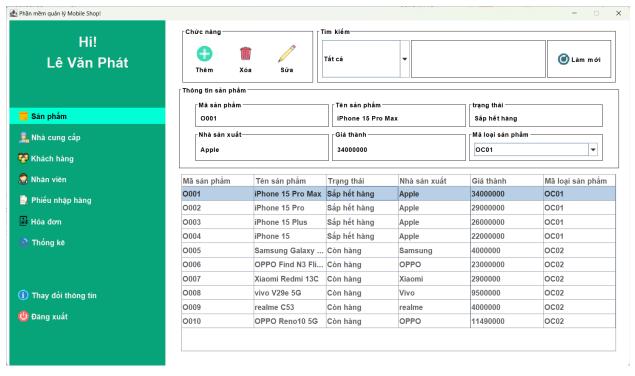


Khi người dùng chọn 1 hàng bất kì trong bảng, sẽ hiện thông tin chi tiết của đối tượng đó.

### Phần bảng thể hiện danh sách các thông tin:

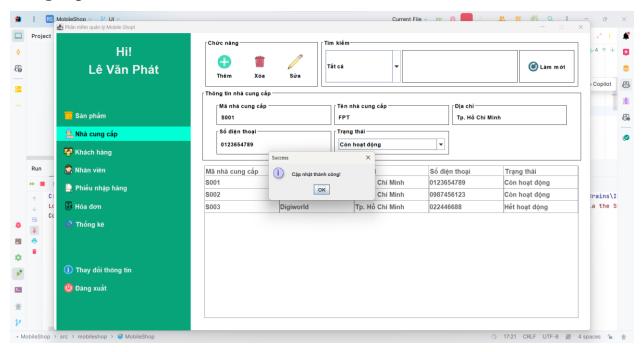
RN001 2023-12-12 Hoàn thành S001 ST02 RN002 2023-12-01 Thanh toán 50% S002 ST03 RN003 2023-11-12 Hoàn thành S003 ST02 RN004 2023-11-01 Hoàn thành S001 ST01 RN005 2023-10-12 Thanh toán 50% S002 ST02	Mã phiếu nhập	Ngày nhập	Chi tiết	Mã nhà cung cấp	Mã nhân viên
RN003 2023-11-12 Hoàn thành S003 ST02 RN004 2023-11-01 Hoàn thành S001 ST01	RN001	2023-12-12	Hoàn thành	S001	ST02
RN004 2023-11-01 Hoàn thành S001 ST01	RN002	2023-12-01	Thanh toán 50%	S002	ST03
	RN003	2023-11-12	Hoàn thành	S003	ST02
RN005 2023-10-12 Thanh toán 50% S002 ST02	RN004	2023-11-01	Hoàn thành	S001	ST01
	RN005	2023-10-12	Thanh toán 50%	S002	ST02

# + Sản phẩm:



++ Các chức năng thêm xóa sửa sẽ được view PanelProduct truyền dữ liệu nhập vào sang ProductController xử lí, ProductController sẽ gọi các lớp DAO theo đúng yêu cầu.

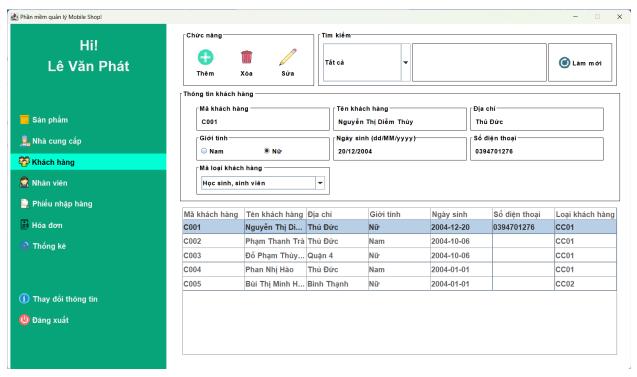
## + Nhà cung cấp:



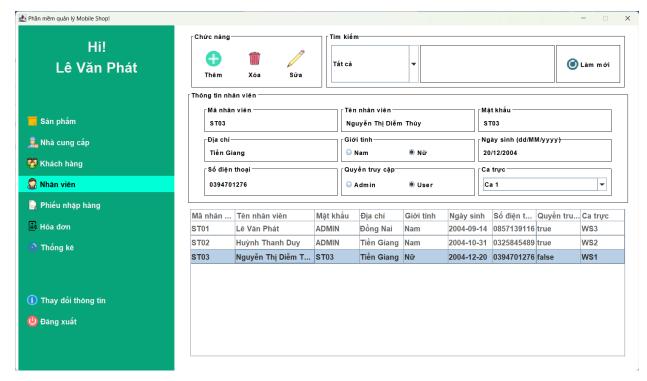
++ Tương tự với <u>Sản phẩm</u>, PanelSuplier sẽ truyền dữ liệu nhập vào sang

### SuplierController xử lí

### + Khách hàng:

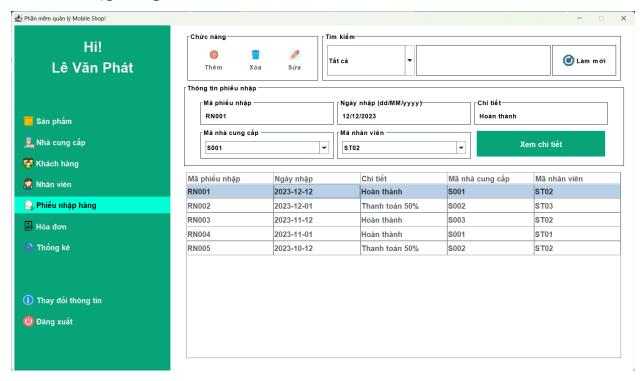


#### + Nhân viên:

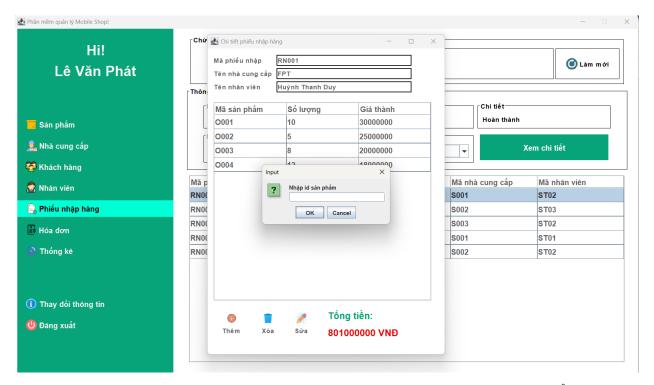


++ Panel này chỉ được gọi ra khi người dùng có quyền admin, còn lại sẽ thông báo không có quyền truy cấp

## + Phiếu nhập hàng:

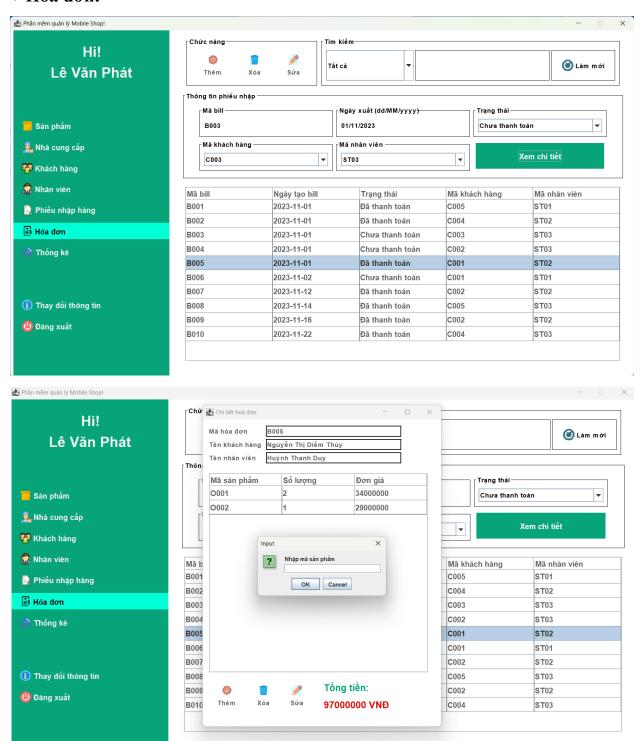


- ++ Tính năng Xóa phiếu nhập sẽ xóa luôn các chi tiết phiếu nhập đó trong cơ sở dữ liệu.
- ++ Giao diện phiếu nhập được thiết kế gần giống một tờ hóa đơn, gồm thông tin của phiếu nhập, bảng các sản phầm được nhập vào và các nút chức năng:



- +++ Chức năng Thêm sẽ tạo ra 1 Input Dialog của JOptionPanel để nhập thông tin sản phẩm
- +++ Chức năng Sửa: người dùng chỉnh sửa dữ liệu trực tiếp trên bảng, sau đó ấn Sửa, ứng dụng sẽ gọi ReceiptNoteController để xử lí.
  - +++ Chức năng Xóa: chọn sản phẩm bất kì từ bảng rồi bấm nút Xóa.

#### + Hóa đơn:



## + Thống kê:

++ Dùng các lớp StaticticsBillDAO, StaticticsProductDAO, StaticticsReceiptNoteDAO để xử lý dữ liệu từ việc truy vấn SQL. Tạo ra các bảng bằng cách JOIN các bảng liên quan, kèm theo việc tính tổng số lượng/ giá tiền ở các đối tượng



